

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Số: 471/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2272/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2734/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 35/TTr-SGTVT ngày 16 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi một số thủ tục hành chính thuộc Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 2914/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 12 năm



2016 của UBND tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://botthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để thực hiện niêm yết công khai và giải quyết thủ tục hành chính đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KSTTHC; P.KTCN;
- Website Kiên Giang;
- Lưu: VT, vvtu.



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471 /QĐ-UBND, ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH: 02 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực: Hàng hải				
1	Phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, và văn bản cho ý kiến đúng theo quy định.	Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014. - Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng thủy nội địa và vùng nước đường thủy nội địa.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực: Hàng hải				
2	Chấp thuận vị trí đỗ chạt nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015. - Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014. - Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng thủy nội địa và vùng nước đường thủy nội địa.

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI: 09 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực: Đường bộ				
1	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Giao thông vận tải		tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (gọi tắt là Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016) - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (gọi tắt là Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018).
2	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
3	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
4	Cấp Giấy phép xe	01 ngày làm việc, kể	Bộ phận Tiếp	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tập lái.	từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải		01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
5	Cấp lại Giấy phép xe tập lái.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
6	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
7	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.
8	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phối hợp Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động; Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p> <p>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan</p>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			
9	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

